

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1551/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 20 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt suất đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng
Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng tỉnh Phú Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 164/2008/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 1998 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng (Dự án 661);

Căn cứ các văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 1992/BNN-LN ngày 17 tháng 7 năm 2008 về hướng dẫn các phương thức kỹ thuật trồng rừng phòng hộ Dự án 661; số 22/BNN-LN ngày 05 tháng 01 năm 2009 về hướng dẫn cách lập dự toán trồng rừng phòng hộ theo Quyết định số 164/2008/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tờ trình số 1163/TTr-SNN ngày 13 tháng 8 năm 2009), ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư (văn bản số 554/SKHĐT-KTXH ngày 05 tháng 6 năm 2009), Sở Tài chính (văn bản số 726/STC-ĐT ngày 20 tháng 5 năm 2009),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt suất đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh Phú Yên thuộc Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, như sau:

1. Mô hình được áp dụng:

- Mô hình trồng cây bản địa thuần loại (cây gỗ lớn), mật độ 625 cây/ha.
- Mô hình trồng hỗn giao cây bản địa và cây phụ trợ, mật độ 1.000 cây/ha (cây trồng chính: 500 cây/ha; cây phụ trợ: 500 cây/ha).
- Mô hình trồng thuần loại cây phụ trợ (gỗ nhỏ), mật độ 1.333 cây/ha.
- Mô hình giao khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên.

2. Về định mức cụ thể các hạng mục trồng rừng, chăm sóc rừng theo đúng nội dung Tờ trình số 1163/TTr-SNN ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nguồn vốn đầu tư:

a) Suất đầu tư trồng rừng, chăm sóc rừng: bình quân 10 triệu đồng/ha/4 năm - vốn Trung ương Dự án 661.

b) Suất đầu tư giao khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 100.000 đồng/ha/năm - vốn Trung ương Dự án 661.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ năm 2009 và thay thế các quyết định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Hà

2. Về định mức cụ thể các hạng mục trồng rừng, chăm sóc rừng theo đúng nội dung Tờ trình số 1163/TTr-SNN ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nguồn vốn đầu tư:

a) Suất đầu tư trồng rừng, chăm sóc rừng: bình quân 10 triệu đồng/ha/4 năm - vốn Trung ương Dự án 661.

b) Suất đầu tư giao khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 100.000 đồng/ha/năm - vốn Trung ương Dự án 661.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ năm 2009 và thay thế các quyết định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Hà